

Phụ lục
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NỘI BỘ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2022
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch năm 2022	Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
*	Ban QLDA Giao thông tỉnh				
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				
	<i>Điều chỉnh giảm</i>		-33.957		
1	Dự án Quốc lộ 19, đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1: Hỗ trợ giải phóng mặt bằng	46.268	-33.957	12.311	Hết khối lượng hoàn trả
	<i>Điều chỉnh tăng</i>		33.957		
1	Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới	49.000	28.828	77.828	Thanh toán
	<i>Trong đó:</i>				
-	<i>Ban QLDA Giao thông tỉnh</i>	0	16.500	16.500	
-	<i>Ban Giải phóng mặt bằng</i>	49.000	12.328	61.328	
2	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	498.000	5.129	503.129	Thanh toán
	<i>Trong đó:</i>				
-	<i>Ban QLDA Giao thông tỉnh</i>	337.000	5.129	342.129	
B	VỐN NGÂN SÁCH TỈNH				
I	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NGUỒN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP				
	<i>Điều chỉnh giảm</i>		-18.000		
1	Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu công nghiệp, Đô thị và dịch vụ Becamex VSIP Bình Định	20.000	-10.000	10.000	Hết KLTT trong năm
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đến hết Cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	30.000	-8.000	22.000	Hết KLTT trong năm
	<i>Điều chỉnh tăng</i>		18.000		
1	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi	50.000	10.000	60.000	Thanh toán
2	Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiệu Chánh	63.000	8.000	71.000	Thanh toán
*	Ban QLDA NN&PTNT tỉnh				
I	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				
	<i>Điều chỉnh giảm</i>		-27.050		
1	Dự án Khu dân cư An Quang Tây tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	25.000	-7.050	17.950	Hết KLTT trong năm

STT	Tên dự án	Kế hoạch năm 2022	Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch năm 2022 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
2	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	35.000	-20.000	15.000	Hết KLTT trong năm
	Điều chỉnh tăng		27.050		
1	Dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	0	7.050	7.050	Thanh toán (Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp: 4.000 trđ)
2	Dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn	18.823,951	20.000	38.823,951	Thanh toán
*	Trung tâm PTQĐ - Sở TN&MT				
I	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				
	Điều chỉnh giảm		-4.500		
1	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, khu vực 7-8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	18.555,104	-1.400	17.155,104	Vướng công tác GPMB chờ thực hiện cưỡng chế
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất Xí nghiệp Song mây xuất khẩu, Phân viện Điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây nguyên	9.085,332	-800	8.285,332	Vướng công tác GPMB chờ thực hiện cưỡng chế
3	ĐT XD các tuyến đường kết nối nhà ở xã hội phường Nhơn Bình	14.284,400	-2.300	11.984,400	Vướng công tác GPMB
	Điều chỉnh tăng		4.500		
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Long Vân (Khu A2), phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	90.457,013	4.051,620	94.508,633	Thanh toán
2	HTKT Khu đất xung quanh Trường Cao đẳng Bình Định, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	22.692,100	448,380	23.140,480	Thanh toán